

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Số: 987/TB-HĐTD

THÔNG BÁO
Kết luận của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch,
quy hoạch tổng thể Thủ đô

- Tên gọi: Nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm.
- Địa điểm: thành phố Hà Nội.
- Toàn bộ địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội, với 126 đơn vị hành chính cấp xã (51 phường, 75 xã). Tổng diện quy mô lập quy hoạch khoảng 3.359,84 km² (335.984ha).
- Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Sở Quy hoạch – Kiến trúc (Ban quản lý đồ án quy hoạch – kiến trúc).
- Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Liên danh Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội và Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội.

I. Về căn cứ pháp lý và trình tự thẩm định

- Nghị quyết số 252/2025/NQ-QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 258/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô;
- Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;
- Văn bản số 1531/TTg-CN ngày 28/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát điều chỉnh quy hoạch của thành phố Hà Nội;
- Thông báo số 709/TB-VPCP ngày 19/12/2025 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thường trực Chính phủ về ý tưởng, định hướng lớn Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội;
- Văn bản số 1634/TTg-CN ngày 25/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, khẩn trương phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội;
- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/01/2026 Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030 (nội dung về: Báo cáo đề xuất xây dựng Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; Báo cáo đề xuất xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị; Báo cáo đề xuất việc sửa đổi Luật Thủ đô);
- Thông báo số 205-TB/TU ngày 20/01/2026 của Thành ủy thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Duy Ngọc, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy tại Hội nghị Thành ủy Hà Nội

làm việc với các bộ, ban, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố về Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm gắn với hoàn thiện thể chế đáp ứng yêu cầu phát triển;

- Nghị quyết số 84/2025/NQ-HĐND ngày 13/12/2025 của HĐND thành phố Hà Nội quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô;

- Nghị quyết số 525/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về các nội dung chính của Quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm;

- Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND Thành phố về việc giao nhiệm vụ tổ chức lập Nhiệm vụ và lập Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội với tầm nhìn 100 năm;

- Các quy định, văn bản khác có liên quan.

Ngày 05/02/2026, Ban quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc (Sở Quy hoạch – Kiến trúc) có Tờ trình số 61/TTr-BQL ĐA về việc thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm.

Thực hiện Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, Quy hoạch tổng thể Thủ đô, Sở Quy hoạch - Kiến trúc (cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô) đã có công văn Văn bản số 766/QHKT-BQLĐA ngày 2/02/2026, Văn bản số 823/QHKT-QKĐ ngày 05/02/2026 gửi kèm hồ sơ lấy ý kiến gửi các Sở, Ban, Ngành Thành phố Hà Nội và Thành viên hội đồng thẩm định đối với Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô với tầm nhìn 100 năm; đã có GMH số 944/GM-HĐTĐ ngày 09/02/2026.

Ngày 11/02/2026, tại trụ sở UBND Thành phố, Hội đồng thẩm định đã tổ chức phiên họp để xem xét hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội với tầm nhìn 100 năm; tổng số thành viên Hội đồng thẩm định có mặt: 27 thành viên (chiếm 64% tổng số thành viên của Hội đồng)

Sau khi nghe báo cáo của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội, báo cáo của Liên danh tư vấn (Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội và Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội), ý kiến của các chuyên gia và ý kiến đóng góp bằng văn bản cũng như phát biểu trực tiếp của các thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết luận các nội dung chung như sau:

II. Nội dung góp ý của Hội đồng thẩm định:

1. Nhận xét chung:

- Về tổ chức thực hiện: Theo Thuyết minh gửi kèm các văn bản liên quan, Ban quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc đã có văn bản số 67/BQLĐA-QHKT ngày 11/02/2026 về việc giải trình, tiếp thu các ý kiến của sở ngành, đơn vị (trong đó cơ bản thống nhất với nội dung Nhiệm vụ và có một số đề nghị bổ sung).

- Về thành phần, nội dung hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ trình thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch gồm Tờ trình đề nghị thẩm định và Hồ sơ bản giấy (Thuyết minh; Văn bản tài liệu liên quan; Bản vẽ Sơ đồ vị trí, bản vẽ ranh giới và phạm vi lập quy hoạch; Hồ sơ điện tử) cơ bản phù hợp Nghị quyết số 84/2025/NQ-HĐND ngày 13/12/2025 của HĐND thành phố Hà Nội quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô.

+ Nội dung thuyết minh Nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể Thủ đô cần tiếp tục rà soát đảm bảo đầy đủ nội dung, cấu trúc yêu cầu đối với thuyết minh theo quy định Nghị quyết số 84/2025/NQ-HĐND; xác định các nội dung, yêu cầu cần nghiên cứu, giải quyết ở bước lập quy hoạch đảm bảo phù hợp, thống nhất với yêu cầu của hồ sơ quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Về Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu lập quy hoạch:

- Phân quan điểm: Các nội dung nêu có tính xác đáng tuy nhiên cần xem xét rút gọn nội dung do các ý chính có phần trùng với các nội dung lý do, sự cần thiết lập quy hoạch.

- Về Tầm nhìn 100 năm: Việc xác định tầm nhìn 100 năm là phù hợp với các nội dung đã xác lập và báo cáo về chủ trương, định hướng thông qua các cấp, tuy nhiên về khái niệm khoa học thời kỳ quy hoạch là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán, lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cho việc lập quy hoạch và Tầm nhìn quy hoạch là mục tiêu, định hướng phát triển mang tính chiến lược dài hạn của một ngành hoặc một lãnh thổ; làm cơ sở để thống nhất các chính sách, giải pháp phát triển hướng tới mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường. Vì vậy đơn vị tổ chức lập và đơn vị tư vấn cần cân nhắc việc xác định cụ thể thời kỳ quy hoạch trong nội dung Nhiệm vụ.

3. Về mục tiêu lập quy hoạch:

Nhiệm vụ quy hoạch đã xác định mục tiêu tổng quát là xây dựng Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội trở thành công cụ quản lý phát triển tổng hợp, có giá trị pháp lý cao, làm cơ sở định hướng phát triển không gian, kinh tế – xã hội, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong dài hạn. Mục tiêu này phù hợp với tinh thần của Luật Quy hoạch năm 2017 và đặc biệt là Luật Quy hoạch 2025 (mới ban hành có hiệu lực từ ngày 01/3/2026), trong đó nhấn mạnh yêu cầu tích hợp, liên kết, đồng bộ và phát triển bền vững.

Bên cạnh mục tiêu tổng quát, nhiệm vụ cũng đã đề ra các mục tiêu cụ thể, bao gồm: tổ chức không gian phát triển Thủ đô theo mô hình đa trung tâm; nâng cao chất lượng sống của người dân; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa – lịch sử; tăng cường năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Các mục tiêu này về cơ bản đầy đủ, phản ánh đúng yêu cầu phát triển Thủ đô trong bối cảnh mới.

- Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng nhiệm vụ, cần tiếp tục làm rõ hơn mối quan hệ giữa các mục tiêu tổng quát và chỉ tiêu cụ thể, cũng như làm chắc các chỉ tiêu, tiêu chí định hướng mang tính định lượng làm cơ sở đánh giá trong quá trình lập quy hoạch.

4. Về tính chất, vai trò và phạm vi của quy hoạch

Nhiệm vụ đã xác định Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội là quy hoạch tích hợp, mang tính chiến lược, có vai trò định hướng tổng thể cho các hoạt động phát triển trên địa bàn Thành phố. Việc xác định rõ tính chất và vai trò của quy hoạch là phù hợp với Luật Quy hoạch 2025, trong đó nhấn mạnh quy hoạch tổng thể phải đóng vai trò khung định hướng, tránh chồng chéo, mâu thuẫn với các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch đô thị, nông thôn.

Phạm vi nghiên cứu của quy hoạch được xác định bao trùm toàn bộ địa giới hành chính Thành phố Hà Nội, đồng thời có xem xét mối liên hệ vùng và liên vùng. Đây là

cách tiếp cận phù hợp, phản ánh đúng vai trò trung tâm và tính lan tỏa của Thủ đô trong vùng Thủ đô và vùng Đồng bằng sông Hồng.

Tuy nhiên, nhiệm vụ cần làm rõ hơn cơ chế phối hợp và liên kết quy hoạch giữa Thủ đô Hà Nội với các địa phương lân cận, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức không gian phát triển và hệ thống hạ tầng liên vùng.

5. Về nội dung nghiên cứu chủ yếu

Nhiệm vụ quy hoạch đã đề xuất hệ thống nội dung nghiên cứu tương đối đầy đủ, bao quát các lĩnh vực trọng tâm theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Các nội dung nghiên cứu bao gồm đánh giá hiện trạng tổng hợp về điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội, dân số, sử dụng đất, hệ thống đô thị – nông thôn; phân tích bối cảnh phát triển; dự báo xu hướng và kịch bản phát triển; định hướng tổ chức không gian; định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và hệ thống hạ tầng chủ yếu.

Việc xác định đầy đủ các nhóm nội dung nghiên cứu là cơ sở quan trọng để bảo đảm tính toàn diện và tích hợp của Quy hoạch tổng thể Thủ đô. Nội dung nhiệm vụ cũng đã bước đầu thể hiện yêu cầu tích hợp đa ngành, phù hợp với tinh thần Luật Quy hoạch 2025.

Tuy nhiên, một số nội dung cần được làm rõ hơn trong nhiệm vụ, như: mức độ chi tiết của đánh giá hiện trạng; phương pháp dự báo và lựa chọn kịch bản phát triển; cách thức tích hợp giữa các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường và hạ tầng trong định hướng không gian phát triển.

5.1. Về các nội dung đánh giá hiện trạng tổng thể kinh tế, xã hội

a) Đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên

Báo cáo đã trình bày khá đầy đủ các yếu tố điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn và tài nguyên thiên nhiên. Các nội dung này được mô tả tương đối chi tiết, giúp nhận diện các lợi thế và hạn chế tự nhiên phục vụ phát triển.

Việc đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên còn mang tính liệt kê, chưa gắn kết chặt chẽ với các vấn đề phát triển không gian, sử dụng đất và tổ chức hệ thống hạ tầng;

Nội dung liên quan đến biến đổi khí hậu, ngập lụt, rủi ro thiên tai mới dừng ở mức nhận diện chung, chưa phân tích rõ mức độ tác động, phạm vi ảnh hưởng và xu hướng dài hạn;

Chưa làm rõ các giới hạn phát triển do điều kiện tự nhiên đặt ra, trong khi đây là yêu cầu quan trọng theo tinh thần của quy hoạch tích hợp.

b) Đánh giá hiện trạng kinh tế – xã hội

Báo cáo đã tổng hợp tương đối đầy đủ các chỉ tiêu về dân số, lao động, cơ cấu kinh tế, tăng trưởng kinh tế, thu nhập và đời sống dân cư. Các số liệu cơ bản phản ánh được bức tranh chung về trình độ phát triển kinh tế – xã hội hiện nay.

Cần làm rõ mối quan hệ giữa phân bố dân cư – lao động với không gian phát triển; Cần phân tích sâu các xu hướng biến động (tăng/giảm dân số, dịch chuyển lao động, già hóa dân số, đô thị hóa);

Cần làm rõ các vấn đề tồn tại cốt lõi như mất cân đối không gian phát triển, chênh lệch chất lượng sống giữa các khu vực, áp lực dân số lên hạ tầng; Việc đánh giá cần gắn chặt với yêu cầu nhận diện động lực phát triển mới, phù hợp với định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng theo Luật Quy hoạch 2025.

c) Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tổ chức không gian

Báo cáo đã phân tích hiện trạng sử dụng đất theo các nhóm đất chính, phản ánh tương đối rõ cơ cấu sử dụng đất và phân bố không gian các khu chức năng.

Cần phân tích rõ hiệu quả sử dụng đất, mức độ phù hợp giữa chức năng sử dụng đất với nhu cầu phát triển; làm rõ các mâu thuẫn, xung đột trong sử dụng đất, đặc biệt giữa phát triển đô thị, công nghiệp, nông nghiệp và bảo vệ môi trường;

Việc đánh giá tổ chức không gian còn thiếu liên hệ với liên kết vùng, hành lang phát triển và các cực tăng trưởng; Chưa thể hiện rõ các vấn đề về phát triển không gian bền vững, kiểm soát mở rộng đô thị, bảo vệ không gian xanh.

d) Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Báo cáo đã đề cập đầy đủ các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật chủ yếu như giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp điện, viễn thông và xử lý chất thải.

Phân tích hiện trạng hạ tầng kỹ thuật còn nặng về hiện trạng vật chất, chưa làm rõ mức độ đáp ứng nhu cầu phát triển hiện nay và tương lai; Chưa đánh giá đầy đủ các điểm nghẽn hạ tầng, tính kết nối liên vùng và liên ngành; Nội dung về hạ tầng kỹ thuật chưa gắn với yêu cầu phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và đô thị thông minh.

e) Đánh giá hiện trạng hạ tầng xã hội

Báo cáo đã tổng hợp hiện trạng các công trình hạ tầng xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và dịch vụ công cộng. Chưa phân tích rõ chất lượng và khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ hạ tầng xã hội đồng thời cần làm rõ sự mất cân đối trong phân bố các công trình hạ tầng xã hội giữa các khu vực;

Việc đánh giá chưa gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng sống và phúc lợi xã hội – một nội dung trọng tâm của quy hoạch tổng thể theo Luật Quy hoạch 2025.

e) Đánh giá hiện trạng môi trường

Báo cáo đã đề cập đến các vấn đề môi trường như chất lượng không khí, nước, đất và quản lý chất thải. Cần làm rõ mối liên hệ giữa phát triển kinh tế – xã hội, đô thị hóa và suy thoái môi trường; các khu vực nhạy cảm về môi trường, cần kiểm soát chặt chẽ trong định hướng quy hoạch.

** Nhận xét tổng hợp về nội dung hiện trạng:*

Tổng thể, nội dung báo cáo hiện trạng: Đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nền cho công tác lập quy hoạch; Bao quát được các lĩnh vực chủ yếu theo quy định pháp luật;

Cần tăng thêm chiều sâu phân tích, tính tích hợp và khả năng làm rõ các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch.

Để đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Luật Quy hoạch 2025, nội dung hiện trạng cần được chuyển từ “mô tả hiện trạng” sang “đánh giá hiện trạng phục vụ ra quyết định quy hoạch”, trong đó nhấn mạnh nhận diện rõ các vấn đề cốt lõi, nút thắt phát triển; Làm rõ mối quan hệ giữa các lĩnh vực, tạo nền tảng trực tiếp cho việc xây dựng mục tiêu, kịch bản và định hướng phát triển.

5.2. Về Nội dung nghiên cứu quy hoạch

a) Nhận xét chung: Yêu cầu nội dung nghiên cứu lập quy hoạch” đã xác định tương đối đầy đủ các nhóm nội dung nghiên cứu chủ yếu, phù hợp với tính chất quy hoạch tổng thể và định hướng phát triển dài hạn. Các yêu cầu nghiên cứu được trình bày

theo từng nhóm vấn đề lớn, phản ánh rõ định hướng tiếp cận tổng hợp, đa ngành, phù hợp với tinh thần của Luật Quy hoạch.

Nhiệm vụ cần làm rõ đầy đủ trọng tâm, mức độ ưu tiên, phạm vi và chiều sâu nghiên cứu của từng nội dung. Việc tổ chức các yêu cầu nghiên cứu cần được làm rõ hơn để bảo đảm tính khả thi và định hướng rõ ràng cho đơn vị tư vấn trong quá trình triển khai lập quy hoạch.

Đề nghị bổ sung dự báo các chỉ tiêu về định hướng phát triển không gian đô thị, nông thôn và hạ tầng kỹ thuật theo chiến lược dài hạn hướng tới tầm nhìn 100 năm và các mốc phát triển cụ thể đến năm 2035, 2045, 2065.

Bổ sung hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn quy hoạch đô thị thông minh về hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

Một số Quy chuẩn, Tiêu chuẩn về đô thị đặc thù, khai thác không gian tầm thấp... có thể xem xét tham khảo, áp dụng Quy chuẩn, Tiêu chuẩn nước ngoài.

b) Nhóm yêu cầu về phát triển kinh tế

Tài liệu đã nêu yêu cầu nghiên cứu các nội dung liên quan đến chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phát triển các mô hình kinh tế mới, kinh tế số, kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả tăng trưởng.

Nhận xét: Nội dung yêu cầu phù hợp với định hướng phát triển dài hạn và yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng; Bám sát các chủ trương lớn của Trung ương và định hướng phát triển của Thủ đô.

Tuy nhiên nhiệm vụ chưa làm rõ yêu cầu nghiên cứu cơ cấu không gian kinh tế, mối quan hệ giữa các ngành, lĩnh vực với tổ chức lãnh thổ; Cần xác định rõ yêu cầu nghiên cứu các ngành, lĩnh vực mũi nhọn, động lực chủ đạo trong từng giai đoạn; Nội dung còn thiên về định hướng chính sách, thiếu yêu cầu nghiên cứu mang tính phân tích, lượng hóa và so sánh các kịch bản phát triển.

c) Về yêu cầu về phát triển văn hóa – xã hội và an sinh xã hội

Tài liệu đã xác định yêu cầu nghiên cứu các chính sách an sinh xã hội toàn diện, nâng cao chất lượng sống, bảo đảm công bằng xã hội, phát triển con người và nâng cao phúc lợi xã hội. Trong đó nội dung yêu cầu phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, lấy con người làm trung tâm, đồng thời thể hiện rõ định hướng phát triển xã hội tiến bộ, bao trùm.

Cần làm rõ yêu cầu nghiên cứu sự phân hóa xã hội, chênh lệch chất lượng sống giữa các khu vực; đảm bảo gắn kết chặt chẽ yêu cầu phát triển xã hội với phân bố dân cư và tổ chức không gian phát triển; xác định các tiêu chí cụ thể để đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống chính sách an sinh xã hội trong từng giai đoạn quy hoạch.

d) Về yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực

Tài liệu đã nêu khá đầy đủ các yêu cầu nghiên cứu về dự báo nhu cầu nhân lực, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực, chính sách đãi ngộ nhân tài, cũng như các giải pháp theo từng nhóm đối tượng.

Nhiệm vụ có nội dung yêu cầu tương đối đầy đủ, bao quát các khía cạnh chính của phát triển nguồn nhân lực; Phù hợp với định hướng phát triển Thủ đô theo mô hình kinh tế tri thức, đổi mới sáng tạo.

Cần làm rõ yêu cầu nghiên cứu cơ cấu ngành nghề, cơ cấu kỹ năng của lực lượng lao động; xác định rõ mối quan hệ giữa phát triển nguồn nhân lực với các trung tâm đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo;

Nội dung yêu cầu còn mang tính định hướng chính sách, chưa yêu cầu phân tích sâu các điểm nghẽn về chất lượng, phân bố và sử dụng nguồn nhân lực.

e) Các yêu cầu về khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tài liệu đã xác định rõ yêu cầu nghiên cứu phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khẳng định vai trò của Thủ đô là trung tâm khoa học – công nghệ hàng đầu cả nước. Nội dung yêu cầu được xây dựng tương đối đầy đủ, bám sát định hướng chiến lược phát triển khoa học – công nghệ; Thể hiện rõ yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức và công nghệ.

Cần làm rõ yêu cầu nghiên cứu mối quan hệ không gian giữa các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, viện nghiên cứu, trường đại học; xác định rõ yêu cầu phân tích hiệu quả, mức độ lan tỏa và khả năng kết nối của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; Nội dung còn thiếu yêu cầu nghiên cứu cơ chế phối hợp, quản trị và tổ chức thực hiện trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo.

f) Về yêu cầu nghiên cứu tổ chức không gian phát triển

Cần làm rõ hơn yêu cầu nghiên cứu cấu trúc không gian tổng thể, bao gồm:

- Mô hình tổ chức lãnh thổ;
- Vai trò, chức năng của từng khu vực trong tổng thể không gian phát triển;
- Mối liên kết, phân công và hỗ trợ lẫn nhau giữa các khu vực.
- Yêu cầu nghiên cứu cần được bổ sung theo hướng:
- Làm rõ mô hình không gian phát triển tổng thể (đa cực, đa trung tâm, phát triển theo hành lang...);
- Xác định rõ các khu vực trung tâm, khu vực động lực, khu vực hỗ trợ và khu vực bảo tồn, kiểm soát phát triển;
- Đánh giá mối quan hệ không gian giữa phát triển kinh tế – xã hội với phân bố dân cư, sử dụng đất và các hoạt động chức năng.

g) Về yêu cầu nghiên cứu hệ thống 9 cực phát triển

Nhiệm vụ đã đề cập đến định hướng phát triển các cực tăng trưởng, tuy nhiên yêu cầu nghiên cứu về 9 cực phát triển chưa được cụ thể hóa đầy đủ, chưa thể hiện rõ vai trò trung tâm của nội dung này trong quy hoạch.

Cụ thể, yêu cầu nội dung nghiên cứu cần được làm rõ hơn ở các khía cạnh sau:

(1) xác định rõ vai trò, tính chất và chức năng của từng cực phát triển trong tổng thể không gian quy hoạch, tránh tình trạng các cực được xác định mang tính liệt kê, thiếu sự phân công rõ ràng.

(2) cần làm rõ mối quan hệ giữa các cực phát triển với nhau, bao gồm:

Quan hệ hỗ trợ, bổ trợ chức năng;

Khả năng lan tỏa và dẫn dắt phát triển;

Vai trò của từng cực trong việc hình thành các chuỗi giá trị và mạng lưới liên kết không gian.

(3) cần yêu cầu nghiên cứu phạm vi ảnh hưởng và không gian lan tỏa của từng cực phát triển, xác định rõ khu vực trung tâm, vùng phụ cận và vùng chịu tác động trực tiếp, qua đó làm cơ sở cho định hướng tổ chức không gian và phân bổ nguồn lực.

(4) cần gắn việc nghiên cứu 9 cực phát triển với:

Phát triển kinh tế và các ngành động lực;

Phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo;
Phân bố dân cư, lao động và nguồn nhân lực;
Phát triển văn hóa – xã hội và nâng cao chất lượng sống.

(5) cần yêu cầu nghiên cứu cơ chế điều phối và quản trị phát triển theo cực, bảo đảm sự phối hợp hiệu quả giữa các cấp, các khu vực, tránh phát triển manh mún, cục bộ.

h) Các yêu cầu về thể chế, chính sách và quản trị phát triển

Tài liệu đã đề cập đến các yêu cầu nghiên cứu về cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế, tận dụng cơ chế đặc thù của Luật Thủ đô, thử nghiệm chính sách theo cơ chế sandbox và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý.

Nội dung yêu cầu phù hợp với định hướng đổi mới quản trị phát triển và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; Bám sát yêu cầu xây dựng chính quyền hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

Cần làm rõ yêu cầu nghiên cứu mô hình quản trị phát triển phù hợp với tổ chức không gian và mô hình phát triển mới; xác định rõ yêu cầu phân tích khả năng triển khai các cơ chế đặc thù trong thực tiễn; Cần yêu cầu nghiên cứu cụ thể về lộ trình và công cụ thực hiện.

k) Nhận xét tổng hợp

Nhìn chung phần nội dung “Yêu cầu nội dung nghiên cứu lập quy hoạch” đã cơ bản đầy đủ về các nhóm nội dung nghiên cứu chính; Phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể, dài hạn, tuy nhiên nhiệm vụ còn thiếu tính định hướng sâu, mức độ ưu tiên và yêu cầu tích hợp giữa các nội dung; để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nhiệm vụ lập quy hoạch, nội dung này cần:

- Làm rõ trọng tâm nghiên cứu của từng nhóm nội dung;
- Gắn các yêu cầu nghiên cứu với các vấn đề, nút thắt phát triển cụ thể;
- Tăng cường yêu cầu nghiên cứu tích hợp, liên ngành và khả năng triển khai.

5.3. Về định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a) Hệ thống giao thông:

- Định hướng quy hoạch giao thông cần bổ sung các yêu cầu nghiên cứu quy hoạch mạng lưới giao thông, khai thác không gian tầm thấp (thường tính từ mặt đất lên đến độ cao 1.000m – 3000m) gắn với sự phát triển của thiết bị bay không người lái, taxi bay và các dịch vụ logistics hiện đại trong tương lai (gồm hệ thống mạng lưới đường không, hệ thống bãi đáp, trung tâm điều khiển...).

- Nhiệm vụ cần bổ sung các yêu cầu kết nối giao thông Vùng Thủ đô và liên Vùng (quy hoạch mở rộng, nâng cấp, bổ sung các tuyến cao tốc, quốc lộ; xác định hệ thống đường sắt quốc gia, liên vận quốc tế, quy hoạch hệ thống đường sắt đô thị nội vùng; Quy hoạch hệ thống cảng cạn, cảng thủy nội địa kết nối với đường bộ và đường sắt để tạo thành chuỗi logistics hoàn chỉnh...)

* Đường bộ:

- Nhiệm vụ cần xác định các yêu cầu nghiên cứu quy hoạch tăng cường hệ thống giao thông liên khu vực (cấu trúc mạng ô bàn cờ) liên kết các khu đô thị mới, đô thị cũ, kết hợp cải tạo, tái thiết xây dựng lại các ô phố cũ để giải phóng tình trạng ách tắc giao thông cục bộ trong nội đô.

- Bổ sung nội dung nghiên cứu quy hoạch các cầu/hầm lớn bắc qua sông Hồng để mở rộng không gian phát triển đô thị. Cải tạo và mở rộng các tuyến đường hiện hữu, đường giao thông hướng tâm theo 09 trục động lực.

*** Đường sắt đô thị:**

- Nhiệm vụ cần có nội dung báo cáo đánh giá quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị hiện hành, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, hiệu quả và tính khả thi. Trên cơ sở đó bổ sung yêu cầu đề xuất mô hình, cấu trúc mạng lưới tối ưu theo định hướng phát triển đô thị với tầm nhìn 100 năm, gắn với các cực, các trung tâm, các trục động lực của Thủ đô; bổ sung quy hoạch định hướng phát triển hệ thống đường sắt đô thị theo hướng tăng cường các trục liên kết với các đô thị, tỉnh, thành phố xung quanh Hà Nội theo định hướng liên kết giao thông liên vùng; Nghiên cứu các tuyến đường sắt đô thị ngầm từ vành đai 3,5 trở vào nội đô, hệ thống TOD, bãi đỗ xe ngầm, thương mại dịch vụ; áp dụng mô hình TOD tối ưu hóa sử dụng đất xung quanh các nhà ga.

*** Đường thủy:**

- Bổ sung yêu cầu chính trị, phát triển tuyến giao thông đường thủy, kích hoạt mối liên hệ giao thông thủy các tỉnh vùng trung du với đồng bằng. Đề xuất và phân cấp, bố trí hệ thống các cảng thủy nội địa bao gồm cảng tổng hợp, cảng chuyên dụng, cảng khai thác vật liệu xây dựng, cảng hàng hóa, cảng hành khách, hệ thống các cảng/bến thuyền... phục vụ giao thông thủy kết hợp du lịch; có dự trữ quy mô, công suất để đầu tư phát triển thêm các cảng khác khi có nhu cầu.

b) Về Quy hoạch cao độ nền xây dựng và thoát nước mặt:

Bổ sung các yêu cầu nghiên cứu quy hoạch các định hướng giải pháp mới gồm:

- Nghiên cứu các giải pháp điều tiết các hồ chứa cắt giảm lũ đầu nguồn (hồ Hòa Bình, hồ Tuyên Quang, hồ Thác Bà, hồ Sơn La, hồ Núi Cốc ...) để đảm bảo mực nước lũ tại Hà Nội không vượt quá 13,40m.

- Trong phạm vi Hà Nội: Nghiên cứu giải pháp xây dựng hệ thống "Bể ngầm khổng lồ" chứa nước mưa kết hợp giao thông để giải quyết triệt để ngập úng. Nghiên cứu quy hoạch bổ sung thêm các hồ điều hòa trữ nước, thoát nước, chống úng ngập tại những khu vực có cốt nền thấp, thường xuyên ngập úng; Phát triển trồng rừng, đào hồ lớn tích nước dự trữ thoát nước. Nghiên cứu mở rộng các đoạn, tuyến sông thuộc Vành đai xanh, hành lang xanh, bãi sông (tạo dung tích trữ nước, âu chứa nước lớn phục vụ thoát nước); Xác định cốt cao độ cho các khu vực và hệ thống thoát nước an toàn, ổn định thông qua các giải pháp: Xây dựng hồ điều hòa, các hồ chứa, hệ thống ngầm kết hợp giao thông trong các tuynel hoặc hào kỹ thuật kích thước lớn để lưu trữ và thoát nước khi mưa to, giảm áp lực cho hệ thống thoát nước chính và hạn chế ngập úng cục bộ; Xây dựng các trạm bơm công suất lớn chống ngập.

c) Quy hoạch không gian xây dựng ngầm:

Nhiệm vụ cần bổ sung các yêu cầu về quy hoạch không gian ngầm, trong đó cần tập trung nghiên cứu quy hoạch hệ thống không gian ngầm đa năng (Giao thông - Thương mại - Bãi đỗ xe- thoát nước) theo mô hình TOD; quy hoạch, phân vùng chức năng để quản lý, khai thác, sử dụng; xác định lòng đất mức giới hạn độ sâu sử dụng theo chiều thẳng đứng trong phạm vi không gian xây dựng ngầm.

d) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác:

Bổ sung các yêu cầu nghiên cứu quy hoạch hạ tầng có tính chất liên kết Vùng:

- Cấp nước: Bổ sung khả năng khai thác các hồ chứa nước lớn trong vùng như hồ Hòa Bình, hồ Núi Cốc, hồ Cẩm Sơn để cấp nước cho Thủ đô; Xây dựng các nhà máy nước liên vùng tỉnh.

- Cấp năng lượng: nghiên cứu phát triển mô hình nguồn điện phân tán sử dụng năng lượng mới và tái tạo; Quy hoạch lại quỹ đất của các tỉnh lân cận để phát triển điện

mặt trời, điện gió và sinh khối; Phát triển các công nghệ mới tận dụng nguồn năng lượng sơ cấp bền vững.

- Vệ sinh môi trường: Nghiên cứu bố trí các cơ sở xử lý chất thải rắn liên tỉnh tại các khu vực phù hợp, thuận lợi thuộc các tỉnh trung du, miền núi phía Đông Bắc, phía Tây Bắc và Tây Nam.

- Nghĩa trang: Nghiên cứu quy hoạch hệ thống nghĩa trang trong vùng tỉnh, phục vụ liên đô thị, theo mô hình hỏa táng, nghĩa trang công viên, thân thiện với môi trường. Các nghĩa trang công viên, công trình hỏa táng được thực hiện dịch vụ liên tỉnh.

6. Về phương pháp lập quy hoạch

Nhiệm vụ quy hoạch đề xuất áp dụng phương pháp tiếp cận quy hoạch tích hợp, kế thừa và rà soát các quy hoạch đã được phê duyệt; kết hợp các phương pháp phân tích định tính và định lượng; ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS) và các mô hình dự báo. Đây là phương pháp tiếp cận phù hợp với yêu cầu lập Quy hoạch tổng thể Thủ đô có tầm nhìn dài hạn và tính khoa học cao.

Tuy nhiên, để nâng cao tính khả thi, nhiệm vụ cần làm rõ hơn phương pháp tích hợp các dữ liệu, phương pháp đánh giá đa tiêu chí và cơ chế kiểm soát, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo các giai đoạn.

7. Về sản phẩm quy hoạch và hồ sơ nhiệm vụ

Nhiệm vụ đã xác định các sản phẩm chủ yếu của Quy hoạch tổng thể Thủ đô, bao gồm báo cáo thuyết minh tổng hợp, hệ thống bản đồ, phụ lục số liệu và các tài liệu liên quan. Việc xác định đầy đủ sản phẩm là cần thiết, đáp ứng yêu cầu pháp luật và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, cần làm rõ hơn yêu cầu về nội dung, mức độ chi tiết và hình thức thể hiện của từng loại sản phẩm, đặc biệt là các bản đồ định hướng không gian và các báo cáo chuyên đề.

8. Về tiến độ và tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ quy hoạch đã đề xuất tiến độ thực hiện tương đối phù hợp với quy định hiện hành, có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, chuyên gia và cộng đồng dân cư; tổ chức thẩm định và trình phê duyệt theo đúng trình tự, thủ tục. Việc phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị được xác định tương đối rõ ràng.

Tuy nhiên, cần xem xét bổ sung các mốc kiểm soát tiến độ, cơ chế phối hợp liên ngành và giải pháp bảo đảm chất lượng trong suốt quá trình lập quy hoạch.

III. Các nội dung lưu ý:

Một số nội dung trong nhiệm vụ mới dừng ở mức định hướng chung, chưa làm rõ phương pháp tiếp cận, mức độ chi tiết và yêu cầu cụ thể đối với từng nhóm nội dung nghiên cứu. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính thống nhất và chất lượng của Quy hoạch tổng thể trong giai đoạn lập đồ án.

Yêu cầu tích hợp giữa các ngành, lĩnh vực tuy đã được đề cập, nhưng chưa được cụ thể hóa bằng các nội dung, tiêu chí và phương pháp tích hợp rõ ràng. Việc thiếu các tiêu chí tích hợp có thể dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức lập và thẩm định quy hoạch.

Phương pháp dự báo và xây dựng các kịch bản phát triển chưa được làm rõ, đặc biệt là đối với các yếu tố có tính bất định cao như biến đổi khí hậu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xu hướng đô thị hóa và tác động của khoa học – công nghệ. Đây là những yếu tố có ảnh hưởng lớn đến định hướng phát triển dài hạn của Thủ đô.

Nội dung liên kết vùng và liên vùng tuy đã được đề cập nhưng chưa được phân tích sâu, chưa làm rõ cơ chế phối hợp, phân công vai trò và trách nhiệm giữa Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong vùng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức không gian phát triển và đầu tư hạ tầng liên vùng.

Một số nội dung liên quan đến tổ chức không gian đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức và kinh tế xanh chưa được nhấn mạnh đúng mức, trong khi đây là những nội dung quan trọng trong định hướng phát triển Thủ đô theo yêu cầu của giai đoạn mới.

Tiến độ thực hiện và cơ chế giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch chưa được làm rõ, đặc biệt là các mốc kiểm soát chất lượng trong quá trình lập và triển khai quy hoạch.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên cần được cơ quan tổ chức lập quy hoạch nghiêm túc tiếp thu, nghiên cứu và hoàn thiện trong các bước tiếp theo nhằm bảo đảm chất lượng và tính khả thi của Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội.

- Ngoài các nội dung nêu trên, các nội dung cụ thể khác đã được các thành viên Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn Thành phố có ý kiến chi tiết tại các văn bản, phiếu nhận xét gửi kèm theo. Đề nghị đơn vị tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch và tư vấn tổng hợp, giải trình, tiếp thu hoàn chỉnh hồ sơ.

- Rà soát, chỉnh sửa về đầu mục, chính tả, trình bày, số liệu tính toán trong thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch.

IV. Kết luận

- Hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội với tầm nhìn 100 năm cần được tiếp thu, hoàn thiện trên cơ sở Thông báo của Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô và ý kiến của các thành viên Hội đồng (phụ lục gửi kèm theo) để đảm bảo đủ điều kiện trình UBND Thành phố phê duyệt.

- Hiện còn một số thành viên Hội đồng thẩm định chưa có ý kiến, sau khi Sở Quy hoạch - Kiến trúc tiếp nhận, nếu có nội dung cần thiết sẽ có thông báo bổ sung.

Sau khi nhận được Thông báo này, đề nghị Ban Quản lý đồ án quy hoạch kiến trúc và đơn vị tư vấn khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội với tầm nhìn 100 năm, có văn bản tiếp thu giải trình và gửi đầy đủ hồ sơ về Sở Quy hoạch - Kiến trúc để thẩm định và trình duyệt theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ban QLĐA QHKT, Viện QHXD HN, Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH HN (để th/hiện);
- UBND Thành phố (để b/cáo);
- Chủ tịch HĐTD (để b/c);
- Thành viên HĐTD;
- Lưu: VT, QKĐ, HTKT.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
KT. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC



Nguyễn Trọng Kỳ Anh